TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13/3/2023
V/v Xin ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Ka

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Toàn

Bà Nguyễn Thị Út

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long*:** Bà Lê Thị Xuân Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 650/2022/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc *"Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 23 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 15/5A, ấp 3, xã A, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Xuân S**, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 34, tổ 3, ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2022 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Qua quen biết Chị T và anh Nguyễn Xuân S có tiến đến hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 18, ngày 18/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng nghiêm trọng về quan điểm sống và suy nghĩ. Ngoài ra chồng Chị T còn là người nóng tính, hay dùng những từ ngữ xúc phạm, có hành vi bạo lực đối với chị. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Chị T đã nhiều lần trao đổi, hòa giải với anh S để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không giải quyết được. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng, trầm trọng. Từ năm 2013 anh chị đã ly thân, không ai quan tâm đến ai, từ lúc ly thân đến nay anh S không có ý định hàn gắn hôn nhân với chị.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân S.

Về con chung: Chị T và anh S có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Trúc Q, sinh ngày 16/01/2012. Cháu Q sống với Chị T từ nhỏ, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân S vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ.

Ngày 26/12/2022 nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Chị T vẫn bảo lưu ý kiến theo Đơn khởi kiện ngày 29/11/2022 và tại các biên bản hòa giải ở Tòa án.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân S vắng mặt tại phiên xét xử.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long:

Áp dụng quy định tại các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

Quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Xuân S.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Trúc Q, sinh ngày 16/01/2012 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ tranh chấp về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Xuân S đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân S chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 18 ngày 18/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh nên đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của Chị T: Chị T trình bày trong thời gian chung sống chị và anh S xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, tính tình không hòa hợp, anh S không quan tâm chăm sóc gia đình, khi cãi nhau anh S hay dùng lời lẽ xúc phạm và có hành vi bạo lực với Chị T. Chị T đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai anh chị đã ly thân từ năm 2013 đến nay.

Xét thấy anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ nhưng anh vẫn vắng mặt và cũng không có mặt tại phiên xét xử. Quá trình xác minh tại địa phương về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì chính quyền địa phương không nắm rõ do Chị T và anh S không có trình báo và cũng không có yêu cầu hòa giải về hôn nhân. Trong quá trình ly thân từ năm 2013 đến nay Chị T và anh S đều không có biện pháp hàn gắn hôn nhân, điều này thể hiện anh S không còn tha thiết đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hoà giải đoàn tụ. Chị T xác định không còn tình cảm với anh S và kiên quyết ly hôn, chị và anh S cũng không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng nên việc Chị T yêu cầu ly hôn với anh S là có cơ sở. Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận cho Chị T được ly hôn với anh S.

[4] Về con chung: Chị T và anh S có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Trúc Q, sinh ngày 16/01/2012. Xét cháu Q đã được Chị T chăm sóc và nuôi dưỡng từ trước đến nay. Tại Biên bản làm việc ngày 26/12/2022 cháu Q cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó để đảm bảo việc phát triển về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Chị T, giao cháu Q cho Chị T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của Chị T không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

[7] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Xuân S.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Trúc Q, sinh ngày 16/01/2012 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Nguyễn Xuân S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của Chị T không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004529 ngày 30/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Chị T đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;
- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Đương sự: 02;
- Ủy ban nhân dân xã A, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Thị Mai Ka